

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ CƯỜNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU CUONG ARCHITEC CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107656919

3. Ngày thành lập: 06/12/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 32 Lê Quý Đôn 2, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0946888616

Fax:

Email: phucuong8668@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; máy móc, thiết bị y tế; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; thiết bị và dụng cụ đo lường; máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, hàng hải;	4659
2.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; thiết bị xây dựng, văn phòng;	7730
3.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, cát, đá, sỏi; kính xây dựng, sơn, véc ni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn đồ ngũ kim; ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép; bán buôn dụng cụ cầm tay như búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác;	4663
5.	Cho thuê xe có động cơ	7710
6.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
7.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
9.	Khai thác gỗ	0221

10.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
11.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
14.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
15.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
16.	Bán buôn tổng hợp	4690
17.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch và mục đích khác; Hoạt động của cáp treo, đường sắt leo núi;	4932
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng, các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa, cống..., đập và đê. Xây dựng đường hầm. Các công trình thể thao ngoài trời;	4290
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của tòa nhà, đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá; lợp mái bao phủ tòa nhà; dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; các công việc dưới bề mặt; xây dựng bể bơi ngoài trời; thuê cần trục có người điều khiển;	4390
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Dịch vụ thiết kế đồ thị; Hoạt động trang trí nội thất; Giám sát thi công xây dựng công trình; Thiết kế kết cấu, kiến trúc công trình; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Tư vấn quản lý dự án, tư vấn đầu thầu, tư vấn thẩm định dự án;	7410
21.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
22.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
23.	Xây dựng công trình công ích	4220
24.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
26.	Phá dỡ	4311
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

28.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
30.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
31.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
32.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý;	4610
33.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khóa, kết sắt.. không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;	4759
34.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ;	7490
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dung cho vui chơi giải trí;	4329
38.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
39.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý.	7020
40.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
41.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
42.	Tái chế phế liệu	3830
43.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
44.	Bốc xếp hàng hóa	5224
45.	(Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ NGỌC TÂM	Đội 11, Xã Nghĩa Trung, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	33,333	163093860	
			Tổng số	60.000	600.000.000	33,333		
2	LÊ TRỌNG NHẤT	Thôn Cao Minh, Xã An Thọ, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	55.000	550.000.000	30,556	031434754	
			Tổng số	55.000	550.000.000	30,556		
3	LÊ TRỌNG TRẮNG	Thôn Cao Minh, Xã An Thọ, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	65.000	650.000.000	36,111	0310860006 53	
			Tổng số	65.000	650.000.000	36,111		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ TRỌNG TRÁNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 26/07/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 031086000653

Ngày cấp: 18/11/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Cao Minh, Xã An Thọ, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P420-CT10C, khu đô thị Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội